TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09/12/2022
V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê
2. Bà Bùi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị , Thư ký Tòa án nhân dân tp.c .

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tp.c xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ**,** ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa :

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 155, tổ 5, ấp P, xã Đ, tp.c , tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp P, xã Đ, tp.c , tỉnh Đ.

Địa chỉ đang cư trú: Tổ 1, ấp Tân Phát, xã Đ, tp.c , tỉnh Đ.

(Chị T có mặt; anh M có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M kết hôn vào ngày 10/7/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, tp.c , tỉnh Đ (giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 23/8/2004). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung, ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Khoảng thời gian xa nhau không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt dược. Nay chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 06/6/2005 và Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 27/10/2012. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị T, chị T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Nguyễn Văn M:* Không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên toà, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú tại tp.c , tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp.c , tỉnh Đ.

[4] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân**:** Chị T và anh M kết hôn vào ngày 10/7/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, tp.c , tỉnh Đ (giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 23/8/2004) là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt dược. Nay chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Đối với anh M, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh M không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, anh M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Thể hiện anh M không muốn đoàn tụ vợ chồng, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 06/6/2005 và Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 27/10/2012, hai con chung đang sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh M không có ý kiến về nuôi con chung. Xét thấy, chị T và anh M ly thân từ năm 2018 đến nay, hai con chung sống chung với chị T đã ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần của con chung, đồng thời chị T có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con. Do đó, áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 06/6/2005 và Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 27/10/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, anh M không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, anh M không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Anh M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[2] Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 06/6/2005 và Nguyễn Vĩ T, sinh ngày 27/10/2012, hai con chung đang sống với chị T. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, anh M không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, anh M không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ váo tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 0011651, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự tp.c , tỉnh Đ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".